

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2012/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 20 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định về lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 292/2012/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

3. Nội dung chi

Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo các nội dung chi quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính - Tư pháp và các quy định hiện hành của nhà nước.

4. Mức chi và định mức phân bổ

Quy định mức chi và định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên như biểu chi tiết kèm theo.

5. Nguồn kinh phí

Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào thì ngân sách cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

6. Lập dự toán kinh phí

a) Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình lập dự kiến chương trình, kế hoạch xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp, lập dự toán kinh phí, tổng hợp chung vào dự toán kinh phí chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

Riêng đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

b) Trường hợp văn bản được ban hành đột xuất, khẩn cấp, bổ sung vào chương trình, kế hoạch xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; văn bản có trong chương trình, kế hoạch nhưng chuyển sang năm sau hoặc tạm dừng thực hiện, cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo phải kịp thời thông báo đến cơ quan tài chính và cơ quan tư pháp cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh kinh phí cho phù hợp.

7. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thực hiện theo chế độ tài chính hiện hành.

Điều 2. Quy định này được thực hiện kể từ ngày 01/01/2013, thay thế các quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên tại Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn

PHỤ LỤC

Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Kèm theo Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: đồng)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện Cấp xã	
I	Mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL của HĐND, UBND				
1	Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản				
a	<i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân</i>				
	- Nghị quyết mới hoặc thay thế	Đề cương	630.000	440.000	300.000
	- Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Đề cương	500.000	350.000	250.000
b	<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân</i>				
	Quyết định mới hoặc thay thế	Đề cương	600.000	420.000	290.000
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Đề cương	500.000	350.000	250.000
c	<i>Chỉ thị của Ủy ban nhân dân</i>				
	Chỉ soạn thảo văn bản	Đề cương	350.000	250.000	180.000
2	<i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:</i>				
a	Nghị quyết mới hoặc thay thế:				
		Dự thảo văn bản	2.800.000	1.960.000	1.370.000

	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	2.450.000	1.720.000	1.200.000
b	Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	Quyết định mới hoặc thay thế	Dự thảo văn bản	2.200.000	1.500.000	1.050.000
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	1.900.000	1.300.000	900.000
c	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Dự thảo văn bản	1.400.000	980.000	680.000
3	Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản				
a	Báo cáo/bản tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản	Báo cáo; bản tổng hợp	140.000	100.000	70.000
b	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra	Báo cáo	210.000	150.000	100.000
c	Báo cáo nhận xét, đánh giá, phân biện của chuyên gia độc lập; báo cáo của thành viên tham gia thẩm định, thẩm tra; báo cáo tham luận độc lập theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản				
	Đối với dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, Quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	210.000	150.000	100.000
	Đối với dự thảo Chỉ thị mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	140.000	100.000	70.000

	Đối với Văn bản sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	100.000	70.000	50.000	Báo cáo do các Sở, ban, ngành tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp có mức chi như báo cáo của cấp huyện; báo cáo do các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi phòng Tư pháp có mức chi như báo cáo của cấp xã.
<i>d</i>	<i>Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>	Báo cáo	2.100.000	1.050.000	560.000	
4	Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản					
<i>a</i>	<i>Văn bản góp ý</i>					
	Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Văn bản	140.000	100.000	70.000	
	Đối với dự thảo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Văn bản	100.000	70.000	50.000	
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra					
	Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	350.000	250.000	175.000	

	Đối với dự thảo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	280.000	200.000	140.000	
5	Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản	01 lần chỉnh lý	100.000	70.000	50.000	
6	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây dựng, hoàn thiện văn bản và thi hành pháp luật					
a	Chủ trì	Người/buổi họp	150.000	150.000	150.000	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi họp	100.000	100.000	100.000	
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Văn bản	140.000	100.000	70.000	
7	Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu (nếu có)					
a	Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Trang	80.000	80.000	80.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
b	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Trang	100.000	100.000	100.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
c	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số	Trang	70.000	70.000	70.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc

<i>d</i>	<i>Hiệu đính tài liệu dịch</i>	Trang	30.000	30.000	30.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
8	Đối với các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp bao gồm: các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước; tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; tổ chức điều tra thống kê, khảo sát, đánh giá thực tiễn; lập hệ cơ sở dữ liệu tin học phục vụ cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản; nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản; xây dựng các loại thuyết minh, tờ trình; lập đề nghị xây dựng văn bản; lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản; báo cáo đánh giá, tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản; phổ biến văn bản; Thực hiện theo quy định tài chính hiện hành của trung ương và của tỉnh					
II	Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp					
1	<i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế</i>	Văn bản	6.300.000	4.900.000	3.850.000	
2	<i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung</i>	Văn bản	5.000.000	3.900.000	3.000.000	
3	<i>Chỉ thị của Ủy ban nhân dân</i>	Văn bản	2.450.000	1.750.000	1.400.000	
4	<i>Đối với văn bản có nội dung phức tạp phải lấy ý kiến tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị hoặc có nội dung liên quan đến nhiều cấp, ngành, lĩnh vực</i>					
	Văn bản	Định mức phân bổ kinh phí cao hơn mục 1, mục 2, mục 3 phần II nhưng phần kinh phí tăng thêm không quá 20%.				